

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA-LỊCH SỬ ĐỒNG NAI



MỞ

ĐẦU

“Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về”



Đồng Nai có con sông hiền hòa, êm đềm trôi đi, tưới mát cho vùng bưởi Tân Triều, bao bọc lấy những xóm làng tạo nên cuộc sống trù phú. Đâu chỉ có cảnh vật thiên nhiên, mảnh đất Đồng Nai còn có một bề dày văn hóa, lịch sử - là niềm tự hào của những ai sinh ra và lớn lên trên mảnh đất xinh đẹp này.

Hơn 300 năm hình thành và phát triển của vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai, so với bề dày hơn 4000 năm lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta là không dài, nhưng đó là hơn 300 năm cùng biết bao sự hy sinh của nhiều thế hệ người dân Đồng Nai không ngừng lao động, xây dựng và chiến đấu cực kỳ gian khổ, ác liệt để giữ gìn và giành lại mảnh đất quê hương mà bao lần bọn phong kiến, thực dân, đế quốc đã xâm lược.

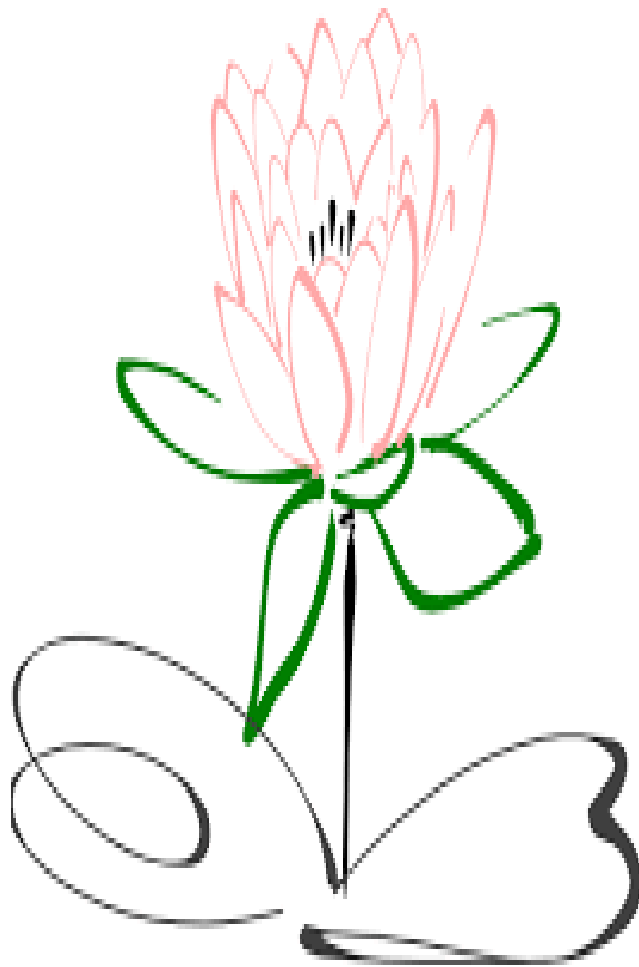
Sách “Đại Nam nhất thống chí” còn ghi chép lại những vẻ đẹp văn hóa của vùng đất và con người Biên Hòa – Đồng Nai: “ Đất đai màu mỡ, sinh sống dễ dàng... kẻ sĩ chăm học, dân sinh siêng canh cửi... việc vui thì mừng nhau, việc tang thì viếng nhau, dân tình trung hậu, sống giản dị, thủy chung, nghĩa tình...”

Là một người con sinh sống ở Đồng Nai từ khi còn rất nhỏ, em xem Đồng Nai là quê hương của mình và tự hào về những giá trị truyền thống văn hóa, lịch sử nơi đây.

Để hiểu, tự hào và để phát huy truyền thống dòng giống Tiên - Rồng, trong thời gian qua, chúng em đã tìm hiểu về lịch sử của quê hương Đồng Nai,... Với lòng yêu thích, say mê môn học lịch sử và thông qua cuộc thi này, chúng em không những có thêm được những kiến thức bổ ích về lịch sử mà còn biết thêm được những phương pháp học lịch sử lý thú, được bồi đắp thêm

tình cảm, từ đó giúp em thêm tự hào về truyền thống dân tộc và chắc chắn chúng em sẽ cố gắng chăm ngoan, học giỏi để tiếp bước cha anh, viết nên những trang sử vẻ vang của dân tộc ta, đất nước ta trong thời kì mới xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai văn minh giàu đẹp. Cuộc thi này giúp em ôn lại những chặng đường lịch sử vẻ vang, những truyền thống cách mạng của nhân dân tỉnh Đồng Nai trong những năm đấu tranh giành độc lập tự do, xây dựng và trưởng thành. Đặc biệt là nâng cao nhận thức cách mạng, ý thức chính trị, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, tinh thần yêu quê hương, đất nước./.





CÂU 1:

Cho biết những thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến nay?

Vùng đất Đồng Nai có thể xem là một chiếc nôi của “buổi bình minh” xã hội loài người. Sự xuất hiện người cổ với nền văn minh tiên sử phát triển đã đánh dấu một thời kỳ lịch sử quan trọng trong tiến trình lịch sử của nhân loại. Chính thức trở thành địa danh hành chính từ năm 1698, Đồng Nai - với tên gọi là Trấn Biên, trong 320 năm hình thành và phát triển trải qua nhiều lần thay đổi địa giới cũng như địa danh hành chính, vẫn còn khá nhiều địa danh hành chính các cấp được lưu giữ đến ngày nay.

Từ những công trạng của Nguyễn Hữu Cảnh và trên cơ sở của một lực lượng di dân, khai khẩn vùng đất phương Nam nên khi Nguyễn Hữu Cảnh - một tướng tài giỏi kinh lược phía Nam vào mùa xuân năm Mậu Dần (1698). Chuyền kinh lược này, Nguyễn Hữu Cảnh đã thực thi một việc vô cùng quan trọng; đó là thiết lập một hệ thống tổ chức bộ máy hành chính ở vùng đất mới. Cụ thể là: “Ông lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long dựng dinh Trấn Biên, lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn, mỗi dinh đặt chức Lưu thủ, Cai bộ và Ký lục để quản trị, nha thuộc có hai ty xá- lại để làm việc; quân binh thì có cơ, đội, thuyền, thủy bộ binh và thuộc binh để hộ vệ”



Trung tâm TP.Biên Hòa đầu thế kỷ 20

Ở TP.Biên Hòa hiện nay có một số địa danh hành chính như: phường Tân Phong, phường Tân Mai, phường Bửu Long, phường Tân Hòa, xã Tân

Hạnh... ít ai biết rằng những địa danh này đã có từ hàng trăm năm nay. Bên cạnh đó, một số địa phương có tên gọi trùng lặp một cách thú vị.

1. Bảo tồn và “lên đời”:

Một trong số địa danh xuất hiện khá sớm và còn lưu giữ đến nay là Tân Hạnh. Thôn Tân Hạnh ra đời từ triều Gia Long (trị vì năm 1802-1820), thuộc tổng Chánh Mỹ, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long. Hiện nay Tân Hạnh là đơn vị hành chính cấp xã, là một trong 6 đơn vị vừa được HĐND tỉnh thông qua nghị quyết nâng lên cấp phường. Tương tự, Bình Đa là tên một làng thành lập từ thời Minh Mạng (trị vì từ năm 1820-1841), thuộc tổng Phước Vĩnh Thượng, huyện Phước Chánh, ngày nay Bình Đa là tên của một phường của TP.Biên Hòa. 4 thôn, làng xưa khác của huyện Phước Chánh giờ còn giữ địa danh hành chính cấp phường gồm: Tân Hòa, Tân Mai, Bửu Long, Tân Phong. Trong đó, thôn Tân Hòa thuộc tổng Chánh Mỹ, thành lập từ thời Gia Long; thôn Tân Mai thuộc tổng Phước Vĩnh, thành lập từ thời Gia Long; thôn Tân Phong thuộc tổng Phước Vĩnh, cũng thành lập dưới triều Gia Long; còn làng Bửu Long ra đời từ việc sáp nhập 2 làng Bình Điện và Bạch Khôi (năm 1897), thuộc tổng Phước Vĩnh Trung. Về địa danh Bình Điện, ca dao ở Đồng Nai có câu:

“Ngó lên Bình Điện, thấy miệng em cười

Tơ duyên muốn kết, sợ người có đôi”.

Không riêng TP.Biên Hòa, các địa phương khác trong tỉnh cũng còn giữ được tên gọi của thôn làng xưa. Như thôn Cam Đường thuộc tổng An Viễn, huyện Long Khánh, phủ Phước Tuy, thành lập dưới triều Thiệu Trị (trị vì năm 1841-1847), người dân còn gọi là Cẩm Đường. Hiện nay Đồng Nai có xã Cẩm Đường, thuộc huyện Long Thành. Thuộc địa giới hành chính của huyện Định Quán có thôn Gia Canh cũng được thành lập từ thời Thiệu Trị, ngày nay là xã Gia Canh.

Đặc biệt, một số địa danh cấp cơ sở (thôn, làng) xưa hiện nay “lên đời” thành địa danh cấp huyện. Dưới thời Minh Mạng thứ 5 (năm 1824), Định Quán là tên của một thủ người dân tộc thiểu số. Đến năm 1838 thủ Định Quán nhập với 2 thủ Bình Lợi và Phước Vĩnh, chia làm 4 tổng: Phước Thành, Bình Sơn, Bình Tuy, Bình Cách. Thôn Định Quán thuộc tổng Bình Tuy, huyện Phước Bình, phủ Phước Long. Đến năm 1957, quận Định Quán ra đời thuộc

tỉnh Long Khánh. Ngày nay, Định Quán là địa danh hành chính cấp huyện, đồng thời cũng có thị trấn Định Quán.

Tương tự, xã Cam Mỹ được thành lập từ đời Thiệu Trị (thuộc tổng Bình Lâm Thượng), người dân còn gọi là Cẩm Mỹ. Và tên gọi này đã được đặt cho địa danh hành chính cấp huyện thành lập năm 2003, đó là huyện Cẩm Mỹ ngày nay. Vĩnh Cửu dưới thời Thiệu Trị là tên của một thôn thuộc tổng Phước Vĩnh Thượng, huyện Phước Chánh; ngày nay Vĩnh Cửu là tên của một huyện.

2. Trùng lặp thú vị:

An Bình là tên một phường của TP.Biên Hòa, thành lập từ tháng 1-1976. Trong thực tế, tên gọi này xuất phát từ việc sáp nhập 2 thôn An Hảo và Bình Đa từ năm 1897, ghép tên lại thành làng Bình An, và khi thành lập phường thì trở thành An Bình. Thôn An Hảo được thành lập cùng lúc với Bình Đa, tên gọi An Hảo hiện nay không còn là địa danh hành chính nhưng được đặt cho cây cầu nối liền xã Hiệp Hòa với phường An Bình, ngoài ra còn có một tên gọi là bến đò An Hảo.

Thế nhưng, An Bình còn là tên gọi của một thôn thuộc tổng Bình Cách, huyện Phước Bình, phủ Phước Long, thành lập dưới triều Minh Mạng. Thôn An Bình này hiện nay thuộc huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Phước. Cũng dưới triều Minh Mạng, tỉnh Biên Hòa còn có tổng An Bình (thuộc huyện Bình An, phủ Phước Long, nay thuộc quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh) thành lập năm 1837.

An Hòa cũng là một thôn thành lập khá sớm, từ triều Gia Long (thuộc tổng Long Vĩnh, huyện Long Thành, phủ Phước Long). Hiện nay An Hòa là xã thuộc TP.Biên Hòa. Dưới triều Minh Mạng cũng có thành lập một xã An Hòa, thuộc tổng Bình Chánh Tây, huyện Bình An, phủ Phước Long, nay thuộc khu vực TP.Thủ Dầu Một.

Tương tự, ngày nay ai cũng biết xã Hiệp Hòa (TP.Biên Hòa) là tên gọi của Cù lao Phố trước đây. Đầu năm 1928, làng Hiệp Hòa ra đời trên cơ sở sáp nhập 3 làng cổ có từ thời Gia Long là: Nhứt Hòa, Nhị Hòa và Tam Hòa (thuộc tổng An Thủy, huyện Bình An, phủ Phước Long, nay là 3 ấp của xã Hiệp Hòa), và từ năm 1976 được đổi thành xã. Tuy nhiên, tỉnh Biên Hòa dưới thời Minh Mạng cũng có thôn Hiệp Hòa thuộc tổng Phước Hưng Hạ, huyện

Phước An, phủ Phước Tuy. Thôn Hiệp Hòa này hiện thuộc huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Cũng như vậy, nhắc đến cái tên Long Bình, nhiều người sẽ nhớ đến Tổng kho Long Bình (trước năm 1975), Khu công nghiệp Long Bình và phường Long Bình đông dân nhất TP.Biên Hòa. Thực tế, tỉnh Biên Hòa có địa danh này từ khá sớm, đó là làng Long Bình thuộc tổng Long Vĩnh Thượng. Thế nhưng, thời Thiệu Trị tỉnh Biên Hòa cũng có thôn Long Bình thuộc tổng Bình Long, huyện Bình An, phủ Phước Long, ngày nay khu vực này thuộc địa bàn TP.Thủ Dầu Một. Tỉnh Biên Hòa cũng có 2 địa danh Long Hưng: thôn Long Hưng thuộc tổng Thành Tuy, huyện Long Thành, phủ Phước Long, thành lập từ thời Gia Long, ngày nay là xã Long Hưng thuộc TP.Biên Hòa; một thôn Long Hưng khác thuộc tổng Phước Hưng, huyện Phước An, phủ Phước Long, cũng thành lập từ triều Gia Long, ngày nay nằm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tương tự, có một xã Long Tân nằm trên địa bàn huyện Nhơn Trạch ngày nay và một xã Long Tân nằm trên địa bàn huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngoài ra, cũng có đến 2 địa danh Xuân Lộc. Đó là thôn Xuân Lộc thuộc tổng Thành Tuy Thượng, huyện Long Thành, phủ Phước Long, thành lập dưới triều Minh Mạng. Thôn này trải qua nhiều lần thay đổi, sáp nhập, nay thuộc khu vực thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc. Ngoài ra còn có làng Xuân Lộc thuộc tổng Phước Vĩnh Hạ, năm 1928 sáp nhập với làng Bình Lợi thành làng Bình Quới, nay thuộc tỉnh Bình Dương.

3. Những thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến nay:

Tháng 2 năm 1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sát nhập các tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú (hai huyện Tân Uyên và Phú Giáo của tỉnh Tân Phú cắt chuyển vào tỉnh Sông Bé). Tỉnh Đồng Nai gồm các đơn vị hành chính trực thuộc: thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu và các huyện Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành, Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc, Duyên Hải, 1 quần đảo là Trường Sa. Toàn tỉnh có 154 phường, xã, thị trấn.

Lúc bấy giờ, Đồng Nai giáp các tỉnh: Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh, phía Tây bắc giáp tỉnh Sông Bé (nay

là Bình Dương), phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Nam giáp Biển Đông (nay giáp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Ngày 29 tháng 12 năm 1978, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, quyết định chuyển huyện Duyên Hải của tỉnh Đồng Nai nhập vào Thành phố Hồ Chí Minh. Tỉnh Đồng Nai còn 1 thành phố, 1 thị xã và 8 huyện, 1 quần đảo.

Ngày 30 tháng 5 năm 1979, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quyết định tách thị xã Vũng Tàu và xã Long Sơn thuộc huyện Châu Thành khỏi địa phận tỉnh Đồng Nai thành lập Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo. Tỉnh Đồng Nai còn 1 thành phố và 8 huyện, 1 quần đảo, gồm 141 phường, xã, thị trấn.

Ngày 9 tháng 12 năm 1982, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 193, thành lập huyện Trường Sa (toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa – thuộc huyện Long Đất). Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố và 9 huyện. Từ tháng 12, huyện Trường Sa được Quốc hội chuyển nhập vào tỉnh Phú Khánh. Tỉnh Đồng Nai còn lại 1 thành phố và 8 huyện.

Ngày 23 tháng 12 năm 1985, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 284, thành lập Thị xã Vĩnh An trên cơ sở huyện Vĩnh Cửu và 2 Lâm trường Hiếu Liêm, Mã Đà của huyện Tân Phú. Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện, gồm 147 phường, xã, thị trấn.

Ngày 10 tháng 4 năm 1991, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 107, chia huyện Xuân Lộc thành 2 huyện Long Khánh, Xuân Lộc; chia huyện Tân Phú thành 2 huyện Tân Phú, Định Quán.

Ngày 12 tháng 8 năm 1991, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quyết định cắt chuyển 3 huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc của tỉnh Đồng Nai nhập vào tỉnh mới Bà Rịa – Vũng Tàu. Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện, gồm 119 phường, xã, thị trấn.

Ngày 23 tháng 6 năm 1994, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị định số 51, chia huyện Long Thành thành 2 huyện: Long

Thành, Nhơn Trạch. Ngày 29 tháng 8 năm 1994, thành lập lại huyện Vĩnh Cửu trên cơ sở thị xã Vĩnh An.

Ngày 21 tháng 8 năm 2003, Nghị định số 97/2003/NĐ - CP ngày 21/8/2003 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thành lập huyện Thống Nhất, Trảng Bom trên cơ sở chia tách huyện Thống Nhất trước đây, nâng huyện Long Khánh trở thành Thị xã Long Khánh, thành lập huyện Cẩm Mỹ trên cơ sở một số xã của huyện Long Khánh và huyện Xuân Lộc.

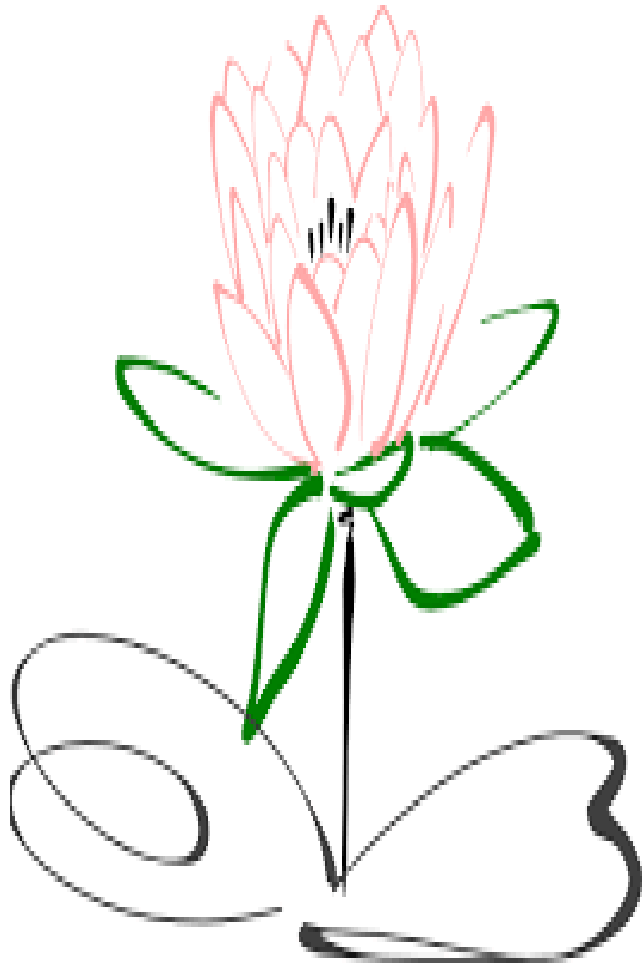
Sau nhiều lần thay đổi về địa giới hành chính, hiện nay, tỉnh Đồng Nai có 173 phường, xã, thị trấn với việc cắt chuyển một số địa bàn cho các tỉnh mới, một số địa bàn tách, sát nhập lại. Hiện nay, tỉnh Đồng Nai gồm 11 đơn vị hành chính như sau: Thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu. Giai đoạn 1975-1976 đến nay.

- Thành phố Biên Hòa có 23 phường, 07 xã.
- Thị xã Long Khánh có: 06 phường, 09 xã.
- Huyện Tân Phú có: 01 thị trấn, 17 xã.
- Huyện Định Quán có: 01 thị trấn, 13 xã
- Huyện Xuân Lộc có: 01 thị trấn, 14 xã.
- Huyện Cẩm Mỹ có: 13 xã.
- Huyện Long Thành có: 01 thị trấn, 18 xã.
- Huyện Nhơn Trạch có: 12 xã.
- Huyện Thống Nhất có: 10 xã.
- Huyện Trảng Bom có: 01 thị trấn, 16 xã.
- Huyện Vĩnh Cửu có: 01 thị trấn, 09 xã.
- Huyện Nhơn Trạch có: 12 xã
- Huyện Thống Nhất có: 10 xã
- Huyện Trảng Bom có: 01 thị trấn, 16 xã.
- Huyện Vĩnh Cửu có: 01 thị trấn, 09 xã.

Qua cuộc kinh lược của Nguyễn Hữu Cảnh vào năm 1698 đã biến vùng đất Đồng Nai - Gia Định thực sự thuộc chủ quyền và đặt dưới sự quản lý của chúa Nguyễn. Nó đẩy nhanh quá trình khai khẩn đất hoang và phát triển kinh tế ở vùng đất này. Những việc làm này đã đặt nền tảng xã hội cơ bản. Từ đây Đồng Nai - Gia Định trở thành lãnh thổ chính thức của nước Việt Nam. Sự khai phá, xác định chủ quyền người Việt ở vùng đất mới của Nguyễn Hữu Cảnh là cơ sở để chúa Nguyễn từng bước thu phục các vùng đất khác./.



Một góc thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ngày nay



CÂU 2:

Trình bày những chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chống Mỹ (1954-1975)? Cho biết cảm nhận của bản thân về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hòa - Đồng Nai?

Đồng Nai, một tỉnh với truyền thống miền Đông gian lao mà anh dũng nằm trong trục tam giác có ý nghĩa chiến lược Sài Gòn – Biên Hòa – Vũng Tàu, là cửa ngõ phía đông và đông nam thành phố Hồ Chí Minh. Do vị trí quan trọng đó nên suốt 30 năm chiến tranh (1945 - 1975), chiến trường Đồng Nai là nơi diễn ra cuộc đấu tranh toàn diện và liên tục giằng co, quyết liệt giữa ta và địch.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Đảng bộ và quân dân Đồng Nai cùng cả nước bước vào cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Với tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, từ hai bàn tay không, Đảng bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân Đồng Nai càng chiến đấu càng trưởng thành, vượt qua gian khổ hy sinh, làm nên những chiến công chói lọi như La Ngà, Trảng Bom, Bàu Cá... góp phần xây dựng và bảo vệ Chiến khu Đ oai hùng, sản sinh ra chiến thuật đặc công, làm rạn vỡ thêm trang sử đấu tranh hào hùng của miền Nam thành đồng Tổ quốc. Người dân Đồng Nai, với lòng yêu nước, vẫn một lòng đi theo cách mạng và là lực lượng chủ yếu cung cấp sức người sức của trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Năm 1906, thực dân Pháp bắt đầu lập các đồn điền Cao su ở Đồng Nai và tuyển mộ công nhân ở nhiều nơi trong nước tập trung về đây. Tầng lớp công nhân cao su trong tỉnh ra đời từ đó. Đến 1930, tại tỉnh đã có 15.000 công nhân cao su. Họ xuất thân chủ yếu là những nông dân đã bị địa chủ, thực dân tước đoạt hết ruộng đất, cùng đường sinh sống phải đăng ký vào làm trong những đồn điền cao su. Cuộc đời của công nhân cao su “đi dễ, khó về”. Đói rét, bệnh tật, đòn roi của bọn chủ cai đã làm cho nhiều người gục ngã, xác của họ cùng với niềm mong ước được trở lại quê hương đã bị chôn vùi dưới những gốc cao su của bọn chủ Pháp.

Nổi cùṇg cực biến thành sự phản kháng. Tuy chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ so với dân cư trong tỉnh, công nhân cao su luôn đi đầu trong các phong trào đấu tranh cách mạng. Những cuộc bãi công, đình công, đấu tranh với chủ, có tiếng vang trong và ngoài tỉnh.

Bên cạnh công nhân cao su còn có công nhân làm việc trong các xưởng, các nhà máy. Số công nhân này đông lên từ sau 1965. Họ là lực lượng nòng cốt lôi kéo theo một bộ phận khá đông tầng lớp tiểu tư sản, học sinh, sinh viên, giáo chức và dân nghèo thành thị vào những hoạt động cách mạng.

Ngoài ra, ở Đồng Nai còn có giai cấp tư sản. Trước năm 1954, giai cấp tư sản còn nhỏ bé (chủ yếu là Hoa kiều). Sau năm 1954, giai cấp tư sản đông dần lên. Một số xuất thân từ những tên địa chủ, nhờ chính sách “cải cách điền địa” của Ngô Đình Diệm mà trở thành tư sản, một số “phát” lên nhờ chiến tranh. Giai cấp tư sản, đặc biệt tư sản mại bản là chỗ dựa của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ.

Thế kỷ 18 và nửa đầu 19, dưới sự thống trị của triều đình nhà Nguyễn mục nát và lỗi thời, nước Việt Nam bị chìm đắm trong tối tăm, lạc hậu, trở thành một miếng mồi ngon cho thực dân Pháp đang rắp tâm chiếm đoạt.

I. Những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp:

Cách mạng Tháng tám thành công chưa đầy một tháng, chính quyền nhân dân non trẻ phải đương đầu với cuộc tái chiếm (được quân đồng minh yểm trợ) của thực dân Pháp, sau đó rút về chiến khu tổ chức kháng chiến. Ở Biên Hòa, sau khi đã chiếm được một số vị trí xung yếu để đặt sở chỉ huy, quân Pháp tiến hành càn quét với quy mô lớn, dồn đẩy cơ quan kháng chiến và lực lượng vũ trang cách mạng vào sâu trong các căn cứ xa dân, không có nguồn tiếp tế hậu cần. Đời sống kinh tế - xã hội Đồng Nai thời này tạm chia làm hai: Vùng kháng chiến và vùng bị tạm chiếm.

Vùng bị tạm chiếm do thực dân Pháp kiểm soát, chủ yếu là ở đô thị và các khu vực thị tứ đông dân. Sản xuất nông nghiệp bị giảm sút, diện tích lúa năm 1951 chỉ đạt 4.900 ha, chiếm 16,78% so với



Nhà máy BIF - Cơ sở công nghiệp xây dựng sớm nhất ở Biên Hòa (1907 -1912). Nơi có cơ sở và phong trào cách mạng mạnh của thành phố Biên Hòa trong hai cuộc kháng chiến (1945 - 1975).

năm 1940; đến năm 1954 có khá hơn cũng chỉ bằng 45,58% của năm 1940. Cây cao su, niềm hy vọng lớn nhất của nông nghiệp thời này cũng vậy, suốt 9 năm cố sức làm cũng không vượt qua được con số 29.610 ha của năm 1940.

Về tiêu thủ công nghiệp và công nghiệp cũng không có gì mới. Nhà máy BIF hoạt động trong lòng địch nhưng trái tim công nhân thuộc về kháng chiến; li ên tục bãi công, đấu tranh; thậm chí chủ xưởng phải nộp thuế cho cách mạng.

II. Những chiến công tiêu biểu của nhân dân Biên Hòa trong cuộc kháng chiến chống Pháp:

Cách đây hơn 60 năm, ngày 19-12-1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp. Theo lời kêu gọi ấy của Bác, quân dân Biên Hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đoàn kết một lòng, nhất tề đứng dậy cùng với cả nước ra sức chiến đấu chống thực dân Pháp cho đến ngày toàn thắng...

Khi Chính phủ Cách mạng lâm thời tuyên bố thành lập ngày 1 tháng 1 năm 1946, ngay hôm sau, bộ đội Vệ quốc đoàn Biên Hòa do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy phối hợp nhiều đơn vị khác lập công, tiến công tiêu diệt địch ở tỉnh lỵ Biên Hòa. Dưới sự chỉ huy của Trung tướng Nguyễn Bình đêm 1 rạng sáng ngày 2-1-1946 các lực lượng của ta gồm: Vệ quốc đoàn Biên Hoà, Vệ quốc đoàn quận Châu Thành, Liên quân Hóc Môn – Gia Định, Liên chi 2-3 Bình Xuyên đồng loạt nổ súng tiến công vào thành Săng Đá, các tua gác đầu Cầu Gành, nhà máy chưa BIF, các công sở của địch trong tỉnh lỵ Biên Hoà, ga Biên Hoà. Đây là trận tấn công đầu tiên của lực lượng ta ở Nam Bộ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Trận đánh đã có tiếng vang lớn, đập tan luận điệu tuyên truyền “đã bình định xong Nam Bộ” của thực dân Pháp, cổ vũ động viên tinh thần kháng chiến của toàn dân. Sau đó, liên tục tạo nhiều chiến thắng vang dội: Trảng Táo, Bàu Cá, La Ngà, Cầu Bà Kiên... càng đánh càng trưởng thành. Trước mũi giặc, ngày 6 tháng 1 năm 1946, cuộc bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên được tổ chức thắng lợi, các đồng chí Hoàng Minh Châu, Phạm Văn Búng, Nguyễn (Điều) Xiển trúng cử ở Biên Hòa. Vùng kháng chiến ngày càng lan rộng ở nông thôn, thực hiện chính sách chống giặc ngoại xâm, giặc đói và giặc dốt; vừa đánh giặc vừa tăng gia sản xuất, vừa xây dựng đời sống mới. Các khu căn cứ Chiến khu Đ, Rừng Sác, Bình Đa, Hố Cạn... phát động phong trào tự túc lương thực. Một số đơn vị lập nông trường. Lúc thiếu đói, khoai củ trở thành "nhân vật chính": "kháng chiến dẻo dai nhờ khoai với củ; kháng chiến no đủ nhờ củ với khoai".

Vào cuối năm 1945, đầu năm 1946, thực hiện chủ trương hòa để tiến, Chính phủ ta ký kết với Pháp hiệp định sơ bộ (vào ngày 6-3-1946). Theo đó quân đội hai bên ngừng bắn và ở nguyên vị trí chờ việc đàm phán nhằm thực hiện hiệp định. Hiệp định giúp nước ta tránh được cuộc chiến đấu bất lợi vì phải chống lại nhiều kẻ thù cùng một lúc; đẩy 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta; có thêm thời gian hòa bình để củng cố chính quyền mới chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống Pháp. Đây được xem là một nước cờ sắc sảo của Đảng bộ ta lúc bấy giờ. Tuy nhiên, thực dân Pháp đã phản bội hiệp ước một cách trắng trợn và vẫn tiếp tục xâm chiếm miền Nam Việt Nam, dấy lên lòng thù hận của nhân dân và mở đầu cho những cuộc chiến đi vào lịch sử của quân và dân Biên Hòa- Đồng Nai.



Lễ ký kết Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 tại 38 Lý Thái Tổ, Hà Nội

1. Trận chiến La Ngà

Khi cuộc tiến công vào căn cứ địa Việt Bắc (Thu Đông 1947) bị thất bại, thực dân Pháp quyết định tập trung lực lượng vào Nam Bộ và liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét với qui mô lớn đánh phá các căn cứ nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta. Biết được vào đầu tháng 3/1948 địch sẽ tổ chức một cuộc họp quan trọng ở thành phố Đà Lạt nhằm bàn kế hoạch đẩy mạnh càn quét bình định vùng Nam Bộ, để đảm bảo an toàn cho cuộc họp này, chúng sẽ đưa một lực lượng lớn quân Pháp hành quân bằng cơ giới theo đường bộ từ Sài Gòn lên Đà Lạt, Bộ Tư lệnh Nam Bộ đã giao nhiệm vụ cho Chi đội 10 (tương đương Trung đoàn) được tăng cường Liên quân 17 và một số phân đội trinh sát, công binh trợ chiến tổ chức tiêu diệt đoàn xe của địch.

Nghiên cứu, trinh sát, tìm hiểu tình hình, Chỉ huy Chi đội quyết định chọn đoạn đường từ La Ngà đến Định Quán làm nơi tổ chức trận địa phục kích từ km 104 (cách đồn La Ngà 3 km về phía Sài Gòn) đến km 113 (cách đồn Định Quán 2 km về phía Đà Lạt. Đây là đoạn đường dài 7km, chạy quanh co theo các cánh rừng, có địa hình cao hơn mặt đường từ 1 đến 1,5 m, nhiều nơi cao từ 5 - 6m. Đặc biệt điểm cao 206 có thể khống chế toàn bộ khu vực. Đồng thời đó cũng là một trận địa vừa thuận lợi cho việc phục kích và vận động bất ngờ từ trên cao đánh xuống mặt đường vừa có sông Đồng Nai ở phía tây là hào chắc thiên nhiên đảm bảo cho bộ đội ta rút lui an toàn sau trận đánh.

Lực lượng tại chỗ của địch ở 2 đồn Định Quán và La Ngà luôn tích cực bảo vệ đoạn đường xung yếu này. Ban chỉ huy Chi đội 10 quyết định chia đoạn đường dài này làm 3 khu vực A, B, C và bố trí lực lượng tập kích. Tiểu đoàn Xuân Lộc (thiếu đại đội 5) bố trí ở khu vực A (từ km 111 đến km 113 phía Định Quán) có nhiệm vụ chặn đầu xe thiết giáp và lực lượng hộ tống, mở đường và chặn đánh địch từ Định Quán xuống tiếp viện. Liên quân 17 bố trí ở khu vực B (từ km 108 đến km 111, đoạn giữa La Ngà và Định Quán) có nhiệm vụ diệt đoàn xe vận tải địch di chuyển trong khu vực.



Tượng đài Chiến thắng La Ngà

Tiểu đoàn Tân Uyên bố trí ở khu vực C (từ km 105 đến km 108, phía cầu La Ngà) có nhiệm vụ tiêu diệt lực lượng đi phía sau, đồng thời sẵn sàng đánh địch từ đồn La Ngà lên ứng cứu. Đại đội 5 (thuộc Tiểu đoàn Xuân Lộc) được giao nhiệm vụ phối hợp với du kích các địa phương Hồ Hải, Trảng Bom, Bàu Cá quấy rối địch từ xa, nhằm làm chậm tốc độ hành quân của chúng sao cho khi đoàn xe đến khu vực trận địa phục kích vào từ 15 đến 16 giờ (theo thông

lệ từ 12 - 13 giờ), là thời điểm có nhiều sương mù, hạn chế tầm nhìn hoạt động của máy bay địch bằng vô tuyến điện. Ban chỉ huy Chi đội còn phái một phân đội trinh sát phối hợp với lực lượng quân báo Sài Gòn - Gia Định nắm chắc mọi hoạt động của địch ngay từ lúc xuất phát.

Sau khi máy bay trinh sát địch bay dọc trục đường không thấy dấu hiệu khả nghi, đúng 15 giờ ngày 1/3/1948, một đoàn xe hơn 60 chiếc của địch, có xe thiết giáp và một đại đội lính Âu Phi hộ tống tiến vào khu vực phục kích của ta. Đoàn xe lần lượt qua các khu vực C, B. Vừa hành quân, địch vừa dùng hỏa lực trên xe bắn 2 bên đường để trấn an tinh thần hòng nhanh chóng thoát khỏi khu vực nguy hiểm. Đúng 15 giờ 10 phút, tốp xe đi đầu vào đúng chỗ đường ngoặt của khu vực phục kích A, ta cho nổ địa lôi phát lệnh tấn công. Một xe thiết giáp cùng 2 xe chở lính đi đầu bị trúng địa lôi bốc cháy. Viên chỉ huy đoàn xe cùng bộ phận thông tin tan xác ngay tại chỗ.

Ngay sau đó ở khu vực A và B, theo lệnh của chỉ huy, bộ đội ta bắn mãnh liệt vào đội hình xe địch, đồng thời ào ạt xung phong chia cắt, tiêu diệt từng chiếc xe của địch. Bị đánh bất ngờ, quân địch không kịp phản ứng, đội hình rối loạn, hàng chục chiếc xe đâm sầm vào nhau. Quân địch nhảy ra khỏi xe, đa số bị quân ta tiêu diệt, số còn lại tháo chạy vào rừng. Tại khu vực C, sau khi nghe thấy tiếng địa lôi của bộ phận chặn đầu, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Tân Uyên lập tức cho nổ mìn diệt 3 xe chở quân của địch, đồng thời ra lệnh cho đơn vị xung phong. Một số xe phía sau của địch thấy phía trước bị đánh liền dừng lại ở phía đông cầu La Ngà tổ chức lực lượng lên ứng cứu. Tiểu đoàn Tân Uyên dùng hỏa lực ngăn chặn, đồng thời chia thành nhiều mũi đánh vào hai bên sườn địch, bẻ gãy 2 đợt phản kích của chúng, đảm bảo cho chi đội tiêu diệt đoàn xe địch rồi rút về an toàn.

Gần 1 giờ chiến đấu, bộ đội ta đã phá hủy 59 xe các loại của địch, tiêu diệt tại chỗ 150 tên (có 25 sĩ quan), trong đó có đại tá Patruite (Tổng tham mưu phó đội quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương) và đại tá Deséigné (Chỉ huy bán lữ đoàn lê dương thứ 13), bắt sống gần 300 tên. Chiến thắng La Ngà là một trận phục kích xuất sắc và là sự cổ vũ lớn đối với sự nghiệp kháng chiến đồng thời đánh dấu bước phát triển mới về trình độ tổ chức chỉ huy và khả năng đánh vận động chiến của bộ đội chủ lực ta trên chiến trường Nam Bộ. Nó đã gây tiếng vang lớn ở Sài Gòn, ở trong nước và sang cả nước Pháp.

Quốc hội Pháp phải chất vấn Chính phủ về trận La Ngà. Viên đại tá Thalès – Chỉ huy trưởng khu vực Đồng Nai thượng bị giáng chức nên đã tự tử.

Trận La Ngà khiến cả nước Pháp bàng hoàng, bởi trước các luận điệu dối trá của bọn thực dân hiếu chiến, chính giới Pháp tưởng rằng Nam Bộ là một chiến trường đã bình định xong. Hơn 20 năm sau (1971), trong cuốn hồi kí, khi nhắc tới trận La Ngà, tướng Ra – un Xa – lăng, viên tướng có thâm niên nhất của quân đội viễn chinh Pháp trên chiến trường Đông Dương thừa nhận: “Đây là một trận đánh tuyệt diệu cả về tổ chức, chỉ huy và nắm thời cơ nổ súng, là trận đánh “bất hạnh” đối với quân viễn chinh Pháp!”.

2. Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên

Trong hàng trăm trận đánh trên vùng đất Chiến khu Đ anh dũng, có một trận đánh đặc biệt, thể hiện cho tinh thần mưu trí sáng tạo, quyết đánh, quyết thắng của lực lượng ta. Đó chính là trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên gắn liền với tên tuổi của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Đại tá Trần Công An. Thời điểm đó, trên chiến trường miền Đông Nam bộ, thực dân



Tượng đài Chiến thắng trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên

Pháp thực hiện chiến thuật Đờ La-tua, xây dựng hàng ngàn đồn bót, tháp canh trên các trục lộ nhằm mục đích bảo vệ đường giao thông, cắt đứt giao thông liên lạc đường bộ của lực lượng kháng chiến; đồng thời dùng hệ thống tháp canh như một phương tiện lấn chiếm, kiểm soát vùng du kích và căn cứ của ta. Là phương tiện bố phòng nên quân Pháp cho xây dựng các tháp canh kiên cố. Tháp có hình vuông, mỗi cạnh từ 4 - 5m, tường dày từ 0,5 - 0,8m, cao từ 8 - 10m, được xây bằng đá hoặc gạch nung. Xung quanh tháp canh được bao bọc bởi lũy đất dày, có nhiều lỗ châu mai, hàng rào kẽm gai và chông mìn dày

đặc... Mỗi tháp canh được bố trí cách nhau khoảng 1km để có thể báo hiệu và chi viện cho nhau nếu bị tấn công. Đan xen vào hệ thống tháp canh nhỏ có tháp canh lớn, còn gọi là tháp canh mẹ, cao từ 10 - 12m do một tiểu đội quân Pháp đóng giữ. Tháp canh mẹ được bố trí hỏa lực rất mạnh và các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác liên lạc, chỉ huy.

Khó khăn lớn nhất của lực lượng ta lúc đó là chưa có một loại vũ khí nào phá nổi tường kiên cố của các tháp canh. Vì vậy ta xác định, muốn đánh thắng trước tiên phải dùng mưu trí và lòng dũng cảm kết hợp với các loại vũ khí cải tiến, dám đánh và đánh thắng địch. Vì vậy, khi nhận lệnh của Ban Chỉ huy Huyện đội Tân Uyên phải đánh thắng tháp canh cầu Bà Kiên để mở đầu cho các trận đánh tháp canh tiếp theo, Đại tá Trần Công An và các đồng đội trong đội du kích miệt mài ngày đêm vất vả luyện tập cùng nghiên cứu địa hình tháp canh. Sau một thời gian luyện tập nhuần nhuyễn, đêm 18, rạng sáng 19-3-1948, Đại tá Trần Công An chỉ huy một tổ gồm 2 du kích Trần Văn Nguyên và Hồ Văn Lung bí mật xâm nhập trận địa. Phía bên ngoài, ông cử 2 du kích Nguyễn Văn Ai và Trần Văn Hối làm nhiệm vụ cảnh giới. Nhờ sự trang tót và giữ được yếu tố bất ngờ, cả 3 người xâm nhập thành công vào trận địa cùng với chiếc thang dùng để leo tường.

Theo sự phân công, du kích Nguyên leo lên tầng tháp trên, du kích Lung leo lên tầng giữa, ông Hai Cà ở tầng dưới vừa đánh vừa chỉ huy, mỗi người thống nhất ném vào mỗi lỗ châu mai 3 quả lựu đạn. Sau khi ném 3 quả lựu đạn, nghi bọn địch chưa chết hết, ông Trần Công An còn bồi thêm một khối thuốc nổ. Sức nổ quá mạnh khiến ông bị thương, nhưng trận đánh đã giành thắng lợi lớn, ta tiêu diệt 11 tên địch, thu 8 súng và 20 lựu đạn. Sau trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên thắng lợi, Ban Chỉ huy Tỉnh đội và Huyện đội Tân Uyên đánh giá: “Trận đánh cầu Bà Kiên đã mở ra một hình thức tác chiến mới dựa vào dân, nắm chắc địch tình, nắm chắc mục tiêu và cách bố phòng của chúng, chỉ dùng lực lượng rất ít, đánh lực lượng địch đông, với ý chí chiến đấu và tinh thần dũng cảm, gan dạ, mưu trí, tấn công bất ngờ là địch trở tay không kịp, qua kinh nghiệm này, ta có khả năng đánh phá đồn bót của địch nhiều nơi ở chiến trường miền Đông Nam bộ”. Tỉnh đội Thủ Biên phát động thi đua cho dân quân du kích toàn tỉnh học tập và quyết tâm thực hiện.

Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên với cách đánh bất ngờ, lấy ít đánh nhiều đã khai sinh ra lối đánh đặc công của lực lượng ta và vùng đất Tân

Uyên - Chiến khu Đ trở thành nơi khởi phát của cách đánh này. Du kích Tân Uyên về sau thành lập đại đội bộ đội địa phương Nguyễn Văn Nghĩa, được công nhận là đại đội đặc công đầu tiên của cả nước. Sau này, ngày chiến thắng tháp canh cầu Bà Kiên 19-3 được lấy làm ngày truyền thống bộ đội đặc công. Lời huấn thị nhân ngày thành lập Binh chủng Đặc công 19- 3-1967 của Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đặc công tức là công tác đặc biệt, là vinh dự đặc biệt, cần phải có cố gắng đặc biệt”. Bác Hồ còn tặng cho Binh chủng Đặc công 4 câu nhân dịp về thăm binh chủng:

“Đặc biệt tinh nhuệ.

Anh dũng tuyệt vời.

Mưu trí táo bạo.

Đánh hiểm thắng lớn”.

III. Những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ

Sau khi Hiệp định Geneve được ký kết. Cuộc chiến tranh kết thúc. Quân Pháp rút về nước, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Theo Hiệp định Geneve, sau 2 năm sẽ tổ chức tổng tuyển cử thống nhất nước Việt Nam. Nhưng đế quốc Mỹ với ý đồ xâm lược Việt Nam từ lâu, đã lợi dụng cơ hội, gạt Pháp ra, nhảy vào tổ chức, chỉ huy nguy quyền, nguy quân tay sai, viện trợ kinh tế quân sự, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, chia cắt lâu dài nước ta. Cả dân tộc ta lại bước vào chiến đấu chống xâm lược mới.

IV. Những chiến công tiêu biểu của nhân dân Biên Hòa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ :

1. Trận nổi dậy phá nhà lao Tân Hiệp

Cách đây hơn 55 năm, các tù nhân chính trị tay không tác sắt đã lập kế hoạch phản công từ trong lòng địch, nổi dậy phá tan xiềng xích tìm về tự do. Đây là cuộc nổi dậy ngoạn mục của lực lượng tù chính trị trong lịch sử kháng chiến của quân



Lễ kí Hiệp định Geneve

dân miền Nam. Trở lại bối cảnh miền Nam lúc ấy, ngay sau khi Hiệp định

Genève được ký kết vào năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm đã trở mặt, liên tục mở các chiến dịch “tố cộng, diệt cộng” để đàn áp phong trào cách mạng miền Nam, đồng thời mở rộng hệ thống nhà tù để giam cầm, tra khảo hàng trăm ngàn cán bộ, chiến sĩ cách mạng và đồng bào yêu nước. Trong hệ thống các nhà tù tay sai lúc ấy, Nhà lao Tân Hiệp nổi tiếng là chốn “địa ngục trần gian” vì sự tàn bạo, dã man của nó.



Biểu diễn văn nghệ tại buổi họp mặt các cựu tù chính trị tại Nhà lao Tân Hiệp.

Nhà lao Tân Hiệp có tên gọi là Trung tâm huấn chính Biên Hòa, có diện tích khoảng 3.600m², nằm trên đường Nguyễn Ái Quốc (phường Tân Tiến, TP.Biên Hòa, đối diện Bệnh viện tâm thần trung ương II). Đây là 1 trong 6 nhà tù lớn nhất miền Nam. Vào thời điểm năm 1956, số lượng tù nhân bị giam giữ nơi đây lên đến 1.872 người, trong đó có nhiều nhân sĩ, trí thức yêu nước nổi tiếng, như: kỹ sư Lê Văn Thả, nhà báo Dương Tử Giang, Lý Văn Sâm, Trần Ngọc Sơn, Nguyễn Văn Mại... Nhưng cũng vào thời điểm khác nghiệt đó, Đảng bộ Nhà lao Tân Hiệp cũng đã được hình thành từ các tù chính trị là cán bộ trung kiên, do đồng chí Nguyễn Trọng Tâm (Bảy Tâm, sau này được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang) làm Bí thư Đảng ủy. Tháng 11-1956, Đảng bộ lên kế hoạch nổi dậy phá khám Tân Hiệp và nhận được sự nhất trí của mọi người. Mọi công việc chuẩn bị cho cuộc vùng lên đã được phân công cụ thể và tiến hành hết sức bí mật.

17 giờ 45 ngày 2-12-1956, tất cả đã chuẩn bị sẵn sàng. Khi tên lính trực vừa đánh keng báo tù nhân vào trại thì tiếng hô “xung phong” đã vang dậy khắp nơi, các mũi xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến các mục tiêu đã được phân công. Một tổ xung kích xông vào kho vũ khí, bắt trói tên trưởng trạm gác, thu toàn bộ vũ khí phát cho anh em. Một tổ khác xông vào nhà giám đốc trại giam và tiến vào văn phòng cắt đứt điện thoại, không cho liên lạc. Chỉ trong 15 phút, anh em tù nhân đã khống chế Ban chỉ huy trại giam và bọn lính gác.

Trong khi đó, anh em tù nhân từ các trại D, E, G ồ ạt chạy về phía cổng. Trước làn sóng người ồ ạt, tên lính gác vừa giương súng định bắn thì lập tức bị quật ngã và tước vũ khí. Dòng người tuôn ra mỗi lúc một đông, nhưng có một sơ suất bất ngờ ngoài dự liệu là cánh cổng chỉ mở vào phía bên trong, trong khi anh em tù nhân lại đẩy ra phía ngoài nên không mở được, gây ùn tắc nơi cổng chính, mãi một lúc sau mới thoát ra được. Sau thời gian hoảng hốt ban đầu, bọn lính gác vòng ngoài lấy lại bình tĩnh và bắt đầu phản kích, bắn trả khiến một số anh em tù nhân chạy ra sau trúng đạn, bị thương khá nhiều, hy sinh 22 người, trong đó có nhà báo Dương Tử Giang.

Đến 18 giờ 30, số tù nhân còn lại đều bị gom vào lại các trại. Do điện thoại nhà tù bị cắt đứt, tên phó giám đốc trại giam phải chạy bộ đến Bộ Tư lệnh sư đoàn đã chiến cách đó 1km để cấp báo và xin cứu viện. Vì vậy, 1 giờ sau cuộc nổi dậy, địch mới báo động được các nơi trong thị xã, ổn định tình hình trại giam và truy đuổi tù nhân.

Tính ra, trong cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp, có 462 đồng chí đã thoát được. Sau khi ra khỏi trại giam, các đồng chí đã chia ra nhiều tốp để tìm về căn cứ và các cơ sở cách mạng ở địa phương. Dù địch tăng cường bố ráp, kiểm soát, nhưng với sự đùm bọc, che chở của nhân dân, nhất là người dân khu vực Hồ Nai (là hướng nhiều tù chính trị chọn để từ đó tìm về Chiến khu Đ), phần lớn các đồng chí vẫn an toàn.

Nhiều năm sau này gặp lại nhau vào ngày kỷ niệm cuộc phá khám Tân Hiệp, các cựu tù chính trị vẫn nhắc lại những kỷ niệm xưa. Có một nữ cựu tù chính trị, cô Nguyễn Thị Liên cứ đi tìm từng người hỏi: “Hồi đó tui đang chạy thì bị kềm gai cào tuột mắt... cái quần. Một anh chạy phía trước nghe tui la lên “Chết rồi”, quay lại thấy vậy ảnh cởi luôn cái quần đang mặc đưa cho tui, còn ảnh chỉ mặc có cái quần đùi mà chạy. Cái quần nghĩa tình đó tui giữ tới

giờ. Giờ muốn hỏi thăm để trả vật xưa về cho chủ cũ”. Hóa ra, người có cử chỉ đẹp ngay trong giờ phút thập tử nhất sinh ấy là chú Nguyễn Văn Thông, nguyên Bí thư Huyện ủy Nhơn Trạch. Những kỷ niệm sâu sắc, hào hùng, thấm đượm tình đồng đội ấy mãi không thể nào quên trong lòng mọi người.

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp ngày 2-12-1956 là một nét son chói lọi trong cuộc đấu tranh của cách mạng miền Nam, là sự tiếp nối truyền thống kiên cường của Đảng và nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, gần 500 đảng viên và đồng bào yêu nước đã lập nên một kỳ tích anh hùng: Từ nhân tay không, tự nổi dậy phá khám, cướp súng địch để trở về với Đảng, với dân và với tự do, tiếp tục con đường đấu tranh chống xâm lược.

2. Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hoà

Sân bay Biên Hòa nơi xuất phát của không quân Mỹ, Ngụy đi bắn phá vùng giải phóng. Chúng được xây dựng và bảo vệ vô cùng kiên cố, thế nhưng "Vô quít dầy có móng tay nhọn", chỉ tính trong 4 năm từ 1964 - 1968, Lực lượng vũ trang Biên Hòa đã 9 lần dội bão lửa xuống nơi đây, gây thiệt hại nặng nề cho địch và đáng kể nhất là trận đầu tập kích vào sân bay Biên Hòa vào đêm 30 rạng sáng ngày 31/10/1964.

Hiểu rõ tầm quan trọng đó và nhanh chóng thi hành ý định của cấp trên, đơn vị triển khai ngay tại Sở chỉ huy cuộc tập kích. Ngày 20/10/1964, một ngày chớm đông ở núi rừng chiến khu Đ, mưa dầm gió bắc, đoàn pháo binh miền Đông, người chiến sĩ vai đồng chân sắt lên đường hành quân ròng rã 10 ngày đêm, đến khu tập kết cuối cùng vào lúc 17 giờ chiều 30/10/1964. Mờ tối đơn vị vượt sông Đồng Nai bằng 1 chiếc xuồng máy và 2 chiếc xuồng bơi, đoàn quân bí mật vượt qua hàng rào tháp canh của địch trên đường 24 đến sát sân bay an toàn, giữ được bí mật trận đánh đến phút cuối cùng để nổ súng.

Hàng trăm ngọn đèn cao áp trong sân bay sáng rực 1 vùng trời, bọn giặc ở căn cứ có mắt như mù, có tai như điếc. Đúng 23 giờ 40 phút đêm 30 rạng sáng 31/10/1964, Pháo binh của ta dội bão lửa khủng khiếp xuống sân bay Biên Hòa đúng theo kế hoạch "H". 136 quả đạn cối 81 đập vào đầu quân địch, đạn nổ mãnh liệt và rất chính xác mục tiêu. Sân bay Biên Hòa bốc cháy như biển lửa trong nhiều giờ, những đám cháy lớn kéo dài hàng mấy ngày hôm sau. Thiêu hủy 59 chiếc máy bay, trong đó có 21 chiếc B.57; 01 chiếc U 2; 11 chiếc AD 6; 01 kho đạn pháo 105 ly; 01 kho xăng, 18 trại lính, 293 tên giặc lái và chuyên viên kỹ thuật cao cấp của Mỹ bị diệt. Quân và dân cả nước hả

lòng, hả dạ, khắp thế giới chấn động xôn xao. Đệ nhất danh tướng Hoa Kỳ làm Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn phải bỏ cuộc vui tức tốc tới sân bay Biên Hòa dưới cơn mưa tầm tã, người phờ phạc, đứng gục đầu nhìn đám thầy ma không lực Hoa Kỳ nằm ngổn ngang. Hẩn than thở: "...Tôi không muốn nhìn thấy cảnh tượng như thế này nữa..."

Trận đánh lớn đầu tiên vào sân bay Biên Hòa làm cho Mỹ điên đầu, đây là trận đánh của binh chủng pháo binh có kết hợp với đặc công vào cuối tháng 10/1964. Hàng trăm quả đạn cối pháo đã rót vào sân bay Biên Hòa dồn dập, hết sức chính xác, phá hủy hàng chục máy bay, đặc biệt là loại máy bay B.57 mới từ Mỹ đưa sang, đốt cháy kho tàng, diệt nhiều tên giặc Mỹ. Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn lúc ấy đã phải tức tốc đến sân bay Biên Hoà, đứng nhìn 1 cách ngao ngán đồng xác của bầy "chim sắt hiện đại" chưa kịp dùng ở Việt Nam đã nằm phơi sương tại căn cứ.

Đây là trận đánh táo bạo bất ngờ, lần đầu tiên pháo binh miền đã tận dụng yếu tố bí mật kết hợp với lực lượng địa phương và phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân luồn sâu vào lòng địch, dùng một lực lượng nhỏ để đánh mục tiêu lớn và quan trọng, đạt được hiệu suất cao. Chính vì thế, Bác Hồ kính yêu đã viết lời ca ngợi về chiến thắng sân bay Biên Hòa.

Uy danh lừng lẫy khắp năm châu

Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu

Thành đồng trống thẳm lay lâu trắng

Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu...

Với chiến công hiển hách này của lực lượng pháo binh Biên Hoà đã được tặng thưởng Huân chương Quân công Giải Phóng hạng nhất và được Bộ Chỉ Huy Miền tặng danh hiệu: "Đoàn pháo binh Biên Hòa xung kích - bắn giỏi - toàn năng - sáng tạo - tự lực tự cường". Và cũng qua trận tập kích này, lực lượng đoàn pháo binh Biên Hòa đã không ngừng lớn mạnh, tiếp tục phát huy chiến thuật tập kích này và tiếp sau đó hàng chục trận đánh vào sân bay Biên Hòa, tổng kho hậu cần Long Bình... tiêu diệt tiêu hao nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch ở 2 căn cứ quân sự quan trọng này. Lực lượng đã liên tiếp lập được nhiều chiến công vang dội gây cho chúng nhiều tổn thất nặng nề...

Chiến thắng sân bay Biên Hòa đã đi vào lịch sử như một thiên anh hùng ca tuyệt vời, ghi thêm vào lịch sử một chiến công mới của Lực lượng vũ trang Biên Hòa. Là một bộ phận của đất nước, của dân tộc, mang truyền thống bất khuất, quân và dân Biên Hòa càng thấy vinh dự tự hào về phần đóng góp chiến công của mình vào sự nghiệp chung của đất nước, đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng tổ quốc trên quê hương Biên Hòa thân yêu của mình.

3. Trận đánh Tổng kho Long Bình:

Trong khu vực Tổng kho Long Bình đặt Bộ tư lệnh dã chiến II và Bộ tư lệnh Hậu cần số 1 của Mỹ, đồng thời là kho bom, đạn lớn của Mỹ ở miền Nam Việt Nam được xây dựng từ giữa năm 1965. Lực lượng Mỹ và quân đội Sài Gòn thường xuyên có 2000 binh lính đồn trú.

Địch tổ chức phòng thủ Tổng kho Long Bình rất chặt chẽ, bao bọc xung quanh từ 7 đến 12 lớp rào kết hợp gài mìn. Các lô cốt tiền duyên cách nhau từ



Trận đánh Tổng kho Long Bình

30m đến 40m nằm cách lớp rào cuối cùng từ 40m đến 50m. Bên trong có nhiều tuyến hào nối các lô cốt, đường đi, lối lại ngang dọc, hai bên đường đều rải hàng rào kẽm Hai khu kho quan trọng trong tổng kho là

khu kho đồi 50 và đồi 53, có 18 dãy nhà kho với khoảng 200 gian, chia làm 3 khu (mỗi khu 6 dãy), mỗi dãy cách nhau 100m, các nhà kho cách nhau 60m. Nhà kho xây hình khối chữ nhật (30m x 25m x 5,5m), cửa thép có khóa sắt, xung quanh có ụ đất dày từ 4m đến 5m. Ngày 22-6-1966, đơn vị đặc công Thị đội Biên Hòa chỉ huy lực lượng gồm 6 chiến sĩ đặc công chia làm 3 tổ, mỗi tổ

2 người, vượt rào và chướng ngại vật tiếp cận khu kho đồi 53 đặt mìn có gắn kíp nổ hẹn giờ bằng đồng hồ. Đến sáng 23-6, ở khu kho đồi 53, các trái mìn hẹn giờ nổ khiến toàn bộ khu kho trùn trong khói lửa. Các phương tiện cứu hỏa của địch đều bất lực. Trận đánh gây thiệt hại nặng cho địch, phá hủy 40.000 quả đạn pháo các loại của Mỹ.

Trận đánh thắng lợi là do ta đã trinh sát kỹ lưỡng địa hình, khu vực bố trí của địch và luyện tập cách tiếp cận mục tiêu thuần thục. Phương án tác chiến đặt ra là táo bạo, bí mật, bất ngờ, đánh chắc, phá hủy bom, đạn, phương tiện chiến tranh của địch. Đây là trận tiến công đầu tiên của bộ đội đặc công Biên Hòa vào Tổng kho Long Bình của địch, mở đầu cho những trận đánh sau này.

4. Chiến dịch Xuân Lộc:

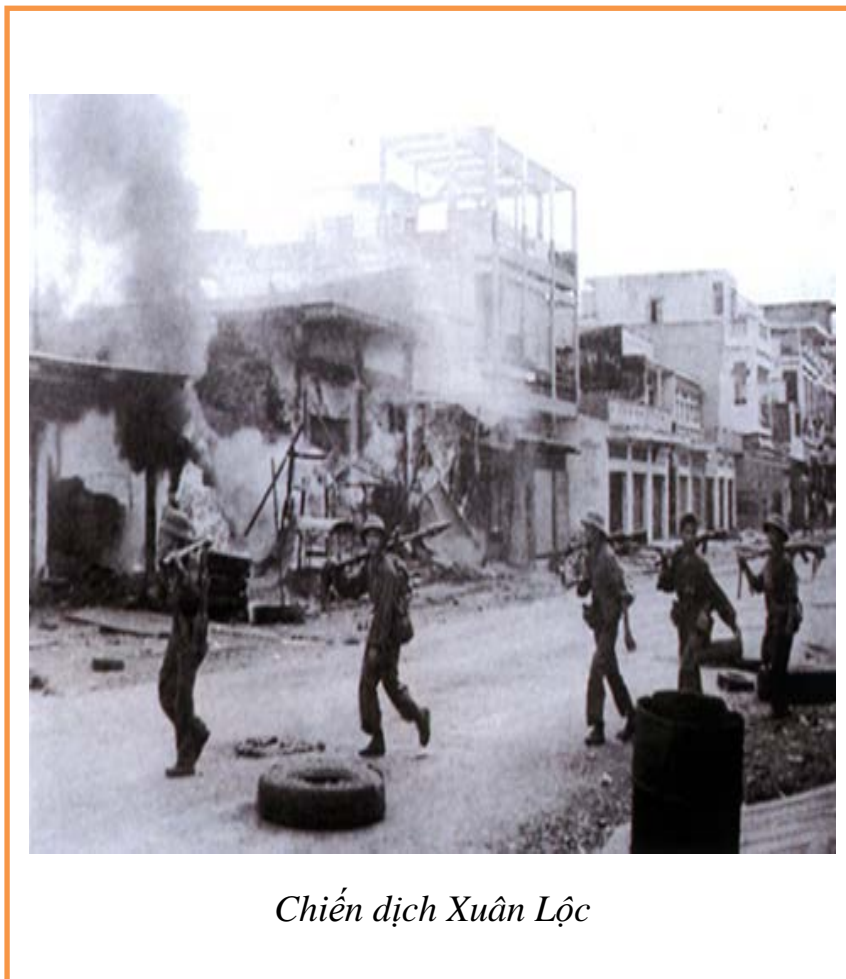
Từ ngày 9 đến 16-4-1975, ta mở chiến dịch Xuân Lộc. Đây là chiến dịch đặc biệt quan trọng, diễn ra rất ác liệt vì địch tăng cường phòng thủ và kêu gọi binh sĩ tử thủ. Tuy nhiên, sau khi tấn công không hiệu quả, ta đã dùng mưu kế đập tan “cánh cửa thép” Xuân Lộc, mở rộng đường tiến thực hiện Chiến dịch Hồ Chí Minh. Chiến dịch Xuân Lộc được coi là một điển hình về nghệ thuật dùng mưu kế đánh địch trong kho tàng lịch sử quân sự Việt Nam hiện đại.

Mưu kế được thể hiện cụ thể trong ý định, chủ trương, kế hoạch tác chiến và trong toàn bộ quá trình lập thế trận, điều khiển thế trận. Thế trận sâu hiểm phản ánh mưu cao, kế giỏi. Muốn đạt tới mưu cao, kế giỏi trong chiến lược, chiến dịch và chiến đấu, phải trải qua sự nghiên cứu tổng hợp về địch, ta, địa hình và hình thái bố trí của hai bên trên chiến trường; có kết luận đúng về chỗ mạnh, chỗ yếu, về âm mưu, thủ đoạn, quy luật hoạt động và phương thức tác chiến của địch. Trên cơ sở đó mà lập mưu kế tiêu diệt, đánh bại địch. Ở Chiến dịch Xuân Lộc, tại thời điểm đầu ta chưa xác định đúng thực lực của địch cả về lực lượng, tinh thần chiến đấu nên không thực hiện ý định. Nhưng sau đó, do kịp thời nhận định tình hình nên ta đã chuyển hướng, khiến địch bị bất ngờ và phải tự rút bỏ Xuân Lộc.

Xuân Lộc là một thị xã thuộc tỉnh Long Khánh, cách Sài Gòn 60km về phía đông bắc là phòng tuyến trọng tâm để địch ngăn ta cơ động theo Đường 1 và Đường 20 đánh vào Biên Hòa và Sài Gòn. Tại đây, địch đã tập trung một lực lượng lớn phòng thủ Xuân Lộc, nòng cốt là Sư đoàn 18 bộ binh, một đơn vị thiện chiến của Quân đoàn 3 ngụy. Tuyến phòng ngự của Sư đoàn này được xác định trên một chính diện từ 30 đến 40km, từ Túc Trưng qua Dầu

Giây, thị xã Xuân Lộc đến ngã ba Tân Phong. Các vị trí phòng thủ được tăng cường thêm mìn, hàng rào dây thép gai, vật chướng ngại chống tăng, kết hợp với hệ thống đồn bốt bảo an, dân vệ chằng ra thành một mạng lưới dày đặc, hòng buộc quân ta phải lùi dần từng bước, khi tới ven đô thì kiệt sức.

Để đập tan “cánh cửa thép” Xuân Lộc, ta tập trung hai sư đoàn tiêu diệt sư đoàn 18 nguy, giải phóng chi khu Xuân Lộc và từ ngã ba Dầu Giây đến núi Chứa Chan. Một sư đoàn khác bao vây chia cắt địch ở Gia Kiệm, Túc Trưng, tạo điều kiện diệt quân ứng cứu của địch, nắm thời cơ tiến công giải phóng



chi khu Gia Kiệm - Dầu Giây, đường 20. Để thực hiện mục tiêu này, ta sử dụng lực lượng Quân đoàn 4 (Sư đoàn 7, Sư đoàn 341, Sư đoàn 6) tăng cường Sư đoàn bộ binh 6, hai tiểu đoàn xe tăng và hai tiểu đoàn bộ đội địa phương Khu 7 do đồng chí Thiếu tướng Hoàng Cầm làm Tư lệnh cùng Thiếu tướng Hoàng Thế Thiện làm Chính ủy tiến

công Xuân Lộc.

Sáng 9-4, từ các hướng đã xác định, ta đồng loạt nổ súng tiến công địch nhưng bị địch phản kích mãnh liệt, khiến cuộc chiến trở nên hết sức quyết liệt. Các Sư đoàn 7, Sư đoàn 6 và Sư đoàn 341 của ta đã phải tổ chức tiến công nhiều lần vào thị xã, đánh đi đánh lại diệt từng mục tiêu và phải nhiều lần đẩy lùi các cuộc phản kích của địch. Địch tăng cường lực lượng cho Xuân Lộc. Ngày 12-4, địch đổ lữ đoàn 1 dù xuống ngã ba Tân Phong. Tiếp đó, địch

điều lữ đoàn 3 thủy quân lục chiến, chiến đoàn 318 biệt động đến Trảng Bom, chiến đoàn 322 biệt động ở Bàu Cá, chiến đoàn 315 ở Bàu Hàn, điểm cao 122, trung đoàn 8 thuộc sư đoàn 5 từ Lai Khê sang Bàu Cá. Tính ra, địch đã tập trung ở khu vực này 50% lực lượng bộ binh, 60% pháo binh và hầu hết xe tăng, xe thiết giáp của Quân đoàn 3 cùng lực lượng tổng dự bị tương đương một sư đoàn. Không quân địch ở các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất được huy động trung bình 80 lần chiếc/ngày để chi viện trực tiếp cho các mũi phản kích. Địch sử dụng cả bom CBU55 mà Mỹ vừa cung cấp trong thời gian tướng Wayend sang Sài Gòn để ngăn chặn ta.

Qua năm ngày chiến đấu, tuy ta đã chiếm được một số mục tiêu, diệt một bộ phận sinh lực địch và giữ được một số bàn đạp quan trọng, nhưng ta chưa diệt gọn được một tiểu đoàn nào của chúng, bộ đội bị thương vong nhiều.

Từ nhận định Xuân Lộc chỉ có giá trị khi được nối với Biên Hòa, Bộ Tư lệnh chiến dịch đã chủ trương lập thế trận mới, cô lập và cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa bằng cách đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt đường 1, chặn đánh địch từ Trảng Bom lên; đánh chiếm Tân Phong, cắt đường 2 đi Bà Rịa. Ngay lập tức, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 đã ra lệnh ngừng tiến công thị xã, mỗi sư đoàn chỉ để lại một tiểu đoàn kiểm chế nghi binh địch còn lại lui ra phía sau củng cố làm lực lượng cơ động. Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B (vừa được trên tăng cường) tổ chức bao vây tiêu diệt Chiến đoàn 52 địch, thực hiện chốt chặn chiến dịch, diệt quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích. Trung đoàn 209 triển khai trên dải ở phía bắc chi khu Tân Phong chặn đánh Lữ đoàn 1 dù không cho chúng vượt qua cầu Gia Liên để phối hợp với Chiến đoàn 43 trong thị xã.

Trong khi ta chuyển thế trận, địch tưởng rằng chúng đã đẩy lùi được cuộc tiến công của ta. Rạng sáng ngày 15-4, pháo chiến dịch bắn dồn dập vào sân bay Biên Hòa, cùng lúc Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95B đã tiêu diệt chiến đoàn 52, diệt gọn một tiểu đoàn pháo, một chi đoàn thiết giáp, giải phóng hoàn toàn chi khu Gia Kiệm, ngã ba Dầu Giây, cắt đứt đường 1 đoạn Xuân Lộc - Bàu Cá, đường 20 đoạn Túc Trưng - ngã ba Dầu Giây.

Trong hai ngày 16 và 17-4, Quân đoàn 3 ngự ở Trảng Bom đốc thúc lữ đoàn 3 thiết giáp cùng chiến đoàn 8 sư đoàn 5 với hơn 100 khẩu pháo ở các căn cứ Nước Trong, Hóc Bà Thúc, Long Bình, Đại An và 125 lần chiếc máy bay mỗi ngày chi viện, phản kích hòng chiếm lại khu vực Dầu Giây. Sư đoàn

6 và Trung đoàn 95B chặn đánh địch quyết liệt ở Hưng Nghĩa và điếm cao 122, diệt gọn một tiểu đoàn, bắt hơn 100 tên, đẩy lùi quân địch xuống Bàu Cá.

Trước nguy cơ Xuân Lộc mất giá trị phòng thủ vì mất Dầu Giây và do bị bất ngờ về mưu kế chuyển đổi thế trận của ta, địch đã tổ chức rút lui. Đề nghị binh cho hành động này, địch bắn pháo vào trận địa của ta. Lúc 17 giờ, phát hiện thấy quân địch đi lại nhiều, phán đoán chúng có thể rút khỏi thị xã theo hướng đường 2 về Vạn Kiếp, Bà Rịa và Sở cao su Ông Quế về Nước Trong hoặc Trảng Bom; Bộ Tư lệnh chiến dịch lệnh cho các đơn vị tiến công và truy kích địch. Sư đoàn 341 tiến đánh vào thị xã rồi phát triển theo đường Sở cao su Ông Quế, Sư đoàn 7 đánh chiếm nam Tân Phong, chặn đường số 2, Sư đoàn 6 tổ chức chặn địch ở Sở cao su Ông Quế, các tiểu đoàn địa phương chốt chặn và truy kích địch trên đường 2. Ngày 21-4, thị xã Xuân Lộc và toàn tỉnh Long Khánh được giải phóng, chiến dịch tiến công Xuân Lộc kết thúc.

Kết quả, ta đã đánh thiệt hại nặng sư đoàn 18, lữ đoàn dù 1, tiêu diệt chiến đoàn 52, đánh thiệt hại trung đoàn 5 và lữ đoàn 3 thiết giáp, loại khỏi vòng chiến đấu 2.056 tên, bắt 2.785 tên địch, thu 48 ô tô, 1.499 súng các loại, phá hủy 42 xe tăng, xe thiết giáp, 16 ô tô, giải phóng Xuân Lộc và toàn bộ tỉnh Long Khánh.



Tiếp quản Tiểu khu Long Khánh.

Chiến dịch tiến công Xuân Lộc thắng lợi đã đập tan “cánh cửa thép” phía đông, làm rung chuyển cả hệ thống phòng thủ còn lại của địch ở quanh Sài Gòn, làm suy sụp nhanh thêm tinh thần chiến đấu của quân ngụy. Thắng lợi của chiến dịch đã tạo ra một địa bàn tập kết thuận lợi cho các binh đoàn chủ lực tiến công vào Sài Gòn từ hướng đông, một thế trận mới rất có lợi cho Chiến dịch Hồ Chí Minh đã mở ra.

5 Chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng toàn tỉnh.

Sau sự thất bại thảm hại của Mỹ ở Xuân Lộc, ngày 23 tháng 4 tổng thống Mỹ tuyên bố: “cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với người Mỹ...” Nguyễn Văn Thiệu vội vã công bố từ chức tổng thống chuyển sang Mỹ. Trần Văn Hương lên thay, sau đó, ngày 28 – 4 – 1975, Dương Văn Minh thay Hương làm tổng thống Việt Nam Cộng hòa.

Địch và vớ 5 sư đoàn chủ lực tan rã từ miền Trung và Xuân Lộc về chốt giữ vòng cung: Biên Hòa – Long Bình – Tây Ninh – Long An.

Ở Biên Hòa, sư đoàn 18 sau khi tháo chạy khỏi Xuân Lộc, nhưng cũng cố lại thành 3 chiến đoàn án ngữ quốc lộ 1. Tàn quân bảo an Xuân Lộc chạy về kết hợp với bảo an thị xã Biên Hòa thành 2 liên đoàn 933 và 318, cùng với lữ đoàn 468 thủy quân lục chiến án ngữ quốc lộ 15. Lữ đoàn 3 kỵ binh và lữ đoàn 258 thủy quân lục chiến chốt giữ khu vực Biên Hòa – Long Bình. Hai lữ đoàn dù đảm nhiệm giữ các cầu: Đồng Nai, Rạch Chiếc, cầu Gành, cầu Hóa An... và tuyến ngoại vi Sài Gòn.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định mang tên là: CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Lực lượng quân chủ lực ta tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh trương đương 5 quân đoàn và tiến vào Sài Gòn từ 4 hướng

- Hướng bắc từ Bình Dương (theo quốc lộ 13) do quân đoàn 1 đảm nhiệm.

- Hướng đông - đông bắc từ Biên Hòa theo quốc lộ 1 và 15 do quân đoàn 4 và quân đoàn 2 đảm nhiệm.

- Hướng tây bắc từ Tây Ninh do quân đoàn 3 đảm nhiệm.

- Hướng tây nam - Long An do quân đoàn 232 đảm nhiệm.

Để chuẩn bị cho chiến dịch cuối cùng quét sạch quân thù, từ ngày 9 – 4, đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư Thành ủy Biên Hòa vào nội thành triển khai kế hoạch chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy, thành lập 10 Ủy ban khởi nghĩa trong nội ngoại thành phố. Ngày 16 tháng 4, Thành ủy Biên Hòa ra nghị quyết về “Tổng công kích và nổi dậy ở thị xã Biên Hòa”.

Chiến dịch Hồ Chí Minh trên địa bàn Biên Hòa hình thành hai mũi tiến công của 2 quân đoàn chủ lực. Quân đoàn 4 tiến vào Sài Gòn – Gia Định theo quốc lộ 1 và xa lộ Biên Hòa. Quân đoàn 2 sau khi đập tan tuyến phòng thủ ở Phan Rang vào đến Xuân Lộc, tiến công vào Sài Gòn – Gia Định theo hai mũi là quốc lộ 15 và bên phà Cát Lái. Sư đoàn 2 đặc công (mới được thành lập) có nhiệm vụ đánh chiếm các cầu Đồng Nai trên xa lộ, cầu Rạch Chiếc, cầu Gành, cầu Rạch Cát và quốc lộ 1 đảm bảo cho đại quân ta tiến về Sài Gòn được thuận lợi.

Ngày 26 tháng 4 năm 1975 chiến dịch lịch sử mang tên chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu.

Tại Biên Hòa trận địa pháo tầm xa 130 ly ở Hiếu Liêm (chiến khu Đ) nã đạn dồn dập vào các căn cứ sân bay Biên Hòa, các sư đoàn bộ binh đồng loạt tấn công. Sư đoàn 6 tiến công yếu khu Trảng Bom. Sư đoàn 7 tiến công các căn cứ địch dọc lộ 1 đến Hồ Nai. Lực lượng vũ trang huyện Thống Nhất và nhân dân nổi dậy giải phóng toàn huyện vào ngày 27 – 4 – 1975

Ngay từ 17 giờ ngày 26 tháng 4 đạn pháo 130 ly của ta trùm lên căn cứ Nước Trong (Long Thành). Pháo vừa ngưng, bộ binh xe tăng ta từ nhiều hướng tiến công mãnh liệt. Sư đoàn 304 Quân đoàn 2 đánh chiếm căn cứ Nước Trong. Sư đoàn 325 Quân đoàn 2 tiến vào chi khu Long Thành. Lực lượng vũ trang địa phương tiểu đoàn 240 Biên Hòa phối hợp với quân chủ lực đánh phân khu Phước Thiện.

Đêm 26 rạng 27 – 4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn đặc công 116 đánh chiếm khu trung tâm tổng kho Long Bình, cụm bố phòng Bến Gỗ, tiến chiếm và chốt giữ cầu Đồng Nai. Đêm 27 rạng 28 tiểu đoàn 174 và tiểu đoàn 23 đánh chiếm cầu Hóa An (cầu Mới), cầu Gành, cầu Rạch Cát...

Ngày 27 tháng 4 sư đoàn 6 và sư đoàn 7 Quân đoàn 4 quét sạch địch ở ngã ba Dầu Giây, trận địa pháo Sông Thao, tiến lên tiêu diệt địch và làm chủ chi khu Trảng Bom, Bà Cáp; sư đoàn 325 Quân đoàn 2 làm chủ chi khu Long Thành.

Ngày 27 tháng 4 sân bay quân sự Biên Hòa hoàn toàn bị tê liệt.

Ngày 28 tháng 4 hướng Biên Hòa sư đoàn 6, sư đoàn 7 đánh các cụm quân địch dọc theo quốc lộ 1 từ Suối Địa, Trà Cỏ và truy kích địch về căn cứ ở Hồ Nai. Tám giờ 30 phút trung tướng Nguyễn Văn Toàn tư lệnh quân đoàn



3 đến Long Bình giao nhiệm vụ “tử thủ” cho tướng Lê Minh Đảo tư lệnh sư đoàn 18 rồi lên máy bay chuẩn thẳng. Các tướng tá trong Bộ tư lệnh quân đoàn 3 cũng cuốn gói chuẩn về Sài Gòn. Sở chỉ huy quân đoàn 3 chỉ còn viên thiếu tá quản trị hành chánh quân đoàn tiếp tục “tử thủ”.

Hai giờ sáng ngày 26 tháng 4 tiểu đoàn 9 trung đoàn đặc công 113 tập kích căn cứ thiết đoàn 15 tại Hóc Bà Thức bắt sống tên chỉ huy. Sư đoàn 6 phát triển ra ga Long Lạc. Sư đoàn 6 cùng sư đoàn 7 tiến quân về Hồ Nai trước sự chống cự điên cuồng của địch.

Tại khu kỹ nghệ Biên Hòa, Ủy ban khởi nghĩa của Thành ủy Biên Hòa phát lệnh đánh địch. Lập tức cơ sở mật trong 17 nhà máy lãnh đạo tự vệ và công nhân nổi dậy. Trên 200 công nhân và nông dân khu vực Bình Đa, Tam Hiệp cùng nổi dậy hỗ trợ cơ sở mật ở khu kỹ nghệ. Cờ giải phóng được kéo lên trung tâm SONADEZI và các nhà máy. Cơ sở nội tuyến của Thành ủy Biên Hòa lái 2 chiếc xe thiết giáp M113 của địch đầy ắp súng đạn, dẫn đầu đoàn người tiếp tục truy kích tàn quân địch trong khu kỹ nghệ, bắt sống tên Lãnh cảnh sát trưởng khu kỹ nghệ, thu toàn bộ hồ sơ. Đến chiều 29 tháng 4, hầu hết các nhà máy Khu kỹ nghệ Biên Hòa và một số ấp lân cận hoàn toàn giải phóng.

Sau hơn một ngày liên tục tiến công, đến 11 giờ ngày 29 tháng 4 sư đoàn 304 làm chủ căn cứ ngã ba Thái Lan, quét sạch địch từ căn cứ Nước Trong đến tổng kho Long Bình, phát triển về xa lộ Biên Hòa. Sư đoàn 325 đã làm chủ chi khu Nhơn Trạch và tiếp tục tiến công Thành Tuy Hạ, chiếm được đồi Bình Phú, đặt trận địa pháo 130 ly. Đêm 29 tháng 4 tại đồi Bình Phú pháo binh ta nã đạn dồn dập vào sân bay Tân Sơn Nhất. Đến chiều 29 tháng 4 toàn bộ địch ở Long Thành – Nhơn Trạch bị quét sạch, sư đoàn 325 tập kết ở bến phà Cát Lái, nơi đây Huyện ủy Nhơn Trạch đã chuẩn bị trên 100 ghe thuyền sẵn sàng đưa lực lượng quân đoàn 2 tiến vào Sài Gòn. Sáng 30 tháng 4 từ Long Thành, Nhơn Trạch - lữ đoàn tăng 203 đến cầu Đồng Nai. Trung đoàn đặc công 116 sau 3 ngày đêm đánh chiếm giữ cầu đã lên xe tăng dẫn đường cho lữ đoàn 203 hành quân vào đánh chiếm dinh Độc Lập. Sư đoàn 325 (quân đoàn 2) dùng xuồng, ghe máy, ghe chèo tay... ào ạt vượt sông - tại bến phà Cát Lái cùng tiến vào Sài Gòn.

15 giờ ngày 29 – 4 – 1975, tù nhân trong nhà tù Tân Hiệp nổi dậy phá khám ra quốc lộ 1 về hướng Trảng Bom. Đến tối ngày 29 – 4 đoàn đến Bộ chỉ huy tiền phương Mặt trận Biên Hòa, được đưa về chỉ huy sở sư đoàn 6 tại nhà thờ Bắc Hòa (Hố Nai). Pháo địch vẫn còn bắn xối xả dọc quốc lộ 1. Bộ phận tiếp nhận đưa tù nhân về hướng Gia Kiệm. Lực lượng ta tiếp tục tiến công. 6 giờ sáng ngày 30 – 4 – 1975, Bộ Tư lệnh sư đoàn 6 đến ngã ba Kê Sặt, cùng lúc đài phát thanh Sài Gòn thông tin tổng thống ngụy Dương Văn Minh đầu hàng. Quân đoàn 4 nhanh chóng triển khai lực lượng tiến về Sài Gòn. Sư đoàn 6 tiếp quản sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình.

6 giờ sáng 30 – 4 – 1975, đảng viên mật Trương Thị Sáu (chi bộ Đảng chợ Biên Hòa) được anh Muộn, cơ sở nội tuyến bảo vệ đã hạ cờ ba que thượng cờ Tổ quốc ở Tòa hành chính tỉnh Biên Hòa.

10 giờ 30 phút sáng 30 – 4 – 1975, Ủy ban Quân quản thành phố Biên Hòa, trung đoàn 5 tiến vào tiếp quản Tòa hành chính Biên Hòa trong tiếng reo hò, hoan hô của hàng ngàn quần chúng trong thành phố Biên Hòa.

Lịch sử đã lập lại một cách kỳ diệu. Ba mươi năm trước (26 – 8 – 1945), nhân dân Biên Hòa đã chiếm Tòa bố giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám. Ba mươi năm sau, một lần nữa quân dân Biên Hòa cắm cờ ở Tòa hành chính, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng quê hương, cùng cả nước bước

vào kỷ nguyên độc lập thống nhất đất nước và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

V. Cảm nhận của bản thân về những trận chiến của quân dân Biên Hòa:

Trải qua 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cùng với cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, giúp nước bạn Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng và cuộc chiến bảo vệ biên giới phía Bắc... quân đội nhân dân Việt Nam ngày càng trưởng thành, xứng đáng với truyền thống chống giặc, giữ nước của dân tộc. Trải qua những chặng đường cách mạng đầy cam go, quân đội ta luôn nêu cao ý chí quyết chiến quyết thắng, biết đánh và biết thắng, phát huy tinh thần cách mạng tiến công kết hợp với truyền thống đấu tranh hào hùng, bất khuất và vận dụng sáng tạo nghệ thuật quân sự tuyệt vời của các thế hệ Việt Nam.

Là thế hệ tiếp nối trong lực lượng vũ trang, với rất nhiều hoài bão và ước mơ cống hiến, những sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp ở Biên Hòa, Đồng Nai đang cố gắng từng ngày làm tốt nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mỗi khi nhắc đến các căn cứ cách mạng hoặc chiến trường ác liệt như: Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Long Khánh... càng làm cho chúng em tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc và càng khâm phục những chiến công lẫy lừng mà các thế hệ ông cha đi trước lập nên. Từ đó, khi được dịp tham quan, về nguồn ở Chiến khu Đ, Trung ương Cục... lại giúp em thêm hứng thú và dâng cao niềm tự hào về quê hương, xứ sở mình.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, lực lượng vũ trang Đồng Nai đã góp phần quan trọng bảo vệ căn cứ kháng chiến (chiến khu Đ) và một hệ thống căn cứ du kích, qua đó đảm bảo hành lang chiến lược; giành nhiều chiến công to lớn có ý nghĩa hỗ trợ toàn miền Đông, đồng thời sáng tạo nhiều cách đánh hay hiệu quả về kỹ thuật đặc công. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, Đồng Nai có



*Chỉ huy trưởng Vệ Quốc đoàn Biên Hòa
Huỳnh Văn Nghệ trong Chiến khu Đ.*

khoảng 289 Bà mẹ Việt Nam anh hùng, hơn 8.000 liệt sỹ, trên 6.000 thương bệnh binh trên địa bàn là một minh chứng cụ thể của sự hy sinh cao cả, ý chí quyết tâm cao vì độc lập dân tộc của nhân dân Đồng Nai. Ngày nay, bước vào thời kỳ mới, quân dân Đồng Nai lại tiếp tục phát huy vai trò của mình trong nhiệm vụ xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.



Hội viên CCB ôn lại truyền thống lịch sử hào hùng trong buổi triển lãm tại bảo tàng Đồng Nai (ảnh: Tư liệu)

Theo dòng chảy lịch sử đấu tranh cách mạng, lực lượng vũ trang Đồng Nai được hình thành rồi cùng cách mạng của cả nước tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Cùng với quân dân “Nam bộ thành đồng”, “miền Đông gian lao mà anh dũng”, lực lượng vũ trang Đồng Nai đã làm nên những chiến thắng, góp phần quan trọng trong đấu tranh cách mạng của lịch sử nước nhà.

Bước vào thời kỳ xây dựng đất nước sau ngày đất nước thống nhất cho đến nay, Quân đội nhân dân Việt Nam nói chung, lực lượng vũ trang Đồng Nai nói riêng tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước “Trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua”, không ngừng xây dựng lực lượng vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đoàn

kết, sáng tạo, nâng cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu, làm tốt công tác hậu phương... bảo vệ thành quả cách mạng và góp phần xây dựng đất nước phát triển trong thời kỳ mới.



Do đó, trên vùng đất nắng gió Đồng Nai đã diễn ra những chiến công hiển hách trong từng chặng đường lịch sử dân tộc. Qua những trang sử đã học, em bắt gặp biết bao con người hào kiệt, biết bao số phận anh hùng. Tuy có tính cách, hoàn cảnh khác nhau, nhưng họ đều có một điểm chung là yêu Tổ quốc, quê hương nồng nàn tha thiết và coi đó là một phần máu thịt của họ. Em thật may mắn khi được sinh ra và lớn lên trên mảnh Đồng Nai dạt dào truyền thống văn hóa - lịch sử này. Qua những chiến công của nhân dân Đồng Nai anh hùng bất khuất, em luôn muốn gửi lời cảm ơn đến cuộc thi đã giúp em có cơ hội tìm hiểu sâu sắc hơn về lịch sử dân tộc, đặc biệt là lịch sử Đồng Nai. Từ đó, em lấy đó là những động lực phấn đấu để học tập thật tốt, tiếp tục tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng để trở thành một công dân sống có ích, để có thể chủ động tự xây dựng cho mình một tương lai tốt đẹp để góp phần viết lên những trang sử tiếp theo cho đất nước Việt Nam nói chung và mảnh đất Đồng Nai nói riêng./.

THÔNG TIN NGƯỜI DỰ THI

Họ và tên : Nguyễn Thanh Thảo My

Năm sinh : 14/12/2015

Giới tính : Nữ

Nghề nghiệp: Học sinh

Dân tộc : Kinh

Đơn vị : Trường THCS Trần Hưng Đạo

Địa chỉ : 372 Đường 30/4, P.Trung Dũng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0251 3822 039

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, *Đồng Nai góc nhìn Văn hóa*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
2. Nguyễn Thị Nguyệt, *Văn hóa-Văn vật Đồng Nai (2010)*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
3. Ban Chỉ đạo lễ kỷ niệm 300 năm vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai (1999) , *Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
4. Phan Huy Lê (2011), *Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ*, Báo cáo Tổng quan kết quả nghiên cứu và Báo cáo Tóm tắt Đề án Khoa học xã hội cấp Nhà nước, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.
5. Sơn Nam (1996), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nhà xuất bản Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
6. BTV Thành ủy Biên Hòa (2012), *Biên Hòa xưa*, NXB Đồng Nai
7. Thành ủy-UBND thành phố Biên Hòa (2005), *290 Văn Miếu Trấn Biên*, NXB tổng hợp Đồng Nai
8. Một số website:
 - Bách khoa toàn thư: <https://vi.wikipedia.org>
 - Sở Khoa học và Công nghệ: <https://dost-dongnai.gov.vn>
 - Ban Quản lý di tích Đồng Nai: <http://disandongnai.com>
 - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: <http://svhttdl.dongnai.gov.vn>